

BỘ ĐỀ THI HK1 MÔN SINH HỌC 7 NĂM 2020 – 2021**1. Đề thi HK1 môn Sinh học 7 số 1****TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM****ĐỀ THI HK1****Năm học 2020-2021****Môn: Sinh học - Lớp 7****Thời gian: 45 phút****I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1. Ý nghĩa sinh học của việc giun đũa cái dài và mập hơn giun đũa đực là

- A. Giúp con cái bảo vệ trứng trong điều kiện sống kí sinh.
- B. Giúp tạo và chứa đựng lượng trứng lớn.
- C. Giúp tăng khả năng ghép đôi vào mùa sinh sản.
- D. Giúp tận dụng được nguồn dinh dưỡng ở vật chủ.

Câu 2. Giun đũa loại các chất thải qua

- A. Huyết
- B. Miệng
- C. Bề mặt da
- D. Hậu môn

Câu 3. Để phòng chống giun dẹp kí sinh, cần phải:

- A. Ăn chín, uống sôi
- B. Diệt giun sán định kì
- C. Diệt các vật chủ trung gian
- D. Tất cả các đáp án trên

Câu 4. Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng?

- A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
- B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.
- C. Sán lá gan không có giác bám.

D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

Câu 5. Trùng biến hình di chuyển được nhờ

- A. Các lông bơi
- B. Roi dài
- C. Chân giả
- D. Không bào co bóp

Câu 6. Trong các phương pháp sau, phương pháp nào được dùng để phòng chống bệnh sốt rét?

1. Ăn uống hợp vệ sinh.
2. Mặc màn khi ngủ.
3. Rửa tay sạch trước khi ăn.
4. Giữ vệ sinh nơi ở, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh.

Phương án đúng là

- A. 1; 2.
- B. 2; 3.
- C. 2; 4.
- D. 3; 4.

Câu 7. Trong việc phòng bệnh sốt rét, người ta muốn hạn chế sự sinh trưởng của bọ gậy bằng các nào?

- A. Khai thông cống rãnh
- B. Phun thuốc diệt muỗi
- C. Ngủ phải có màn
- D. Cả A và B đúng

Câu 8. So với kích thước của hồng cầu, thì trùng kiết lị có kích thước

- A. Lớn hơn
- B. Nhỏ hơn
- C. Bằng nhau
- D. Không xác định được

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: Đặc điểm cấu tạo ngoài và cấu tạo trong của giun đũa?

Câu 2: Sơ đồ vòng đời sán lá gan.

ĐÁP ÁN**I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| B | D | D | D | C | C | D | A |

II. TỰ LUẬN (6 điểm)**Câu 1:**

- Cấu tạo ngoài:

+ Hình trụ dài 25 cm

+ Lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể → giúp giun không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa trong ruột non người.

- Cấu tạo trong:

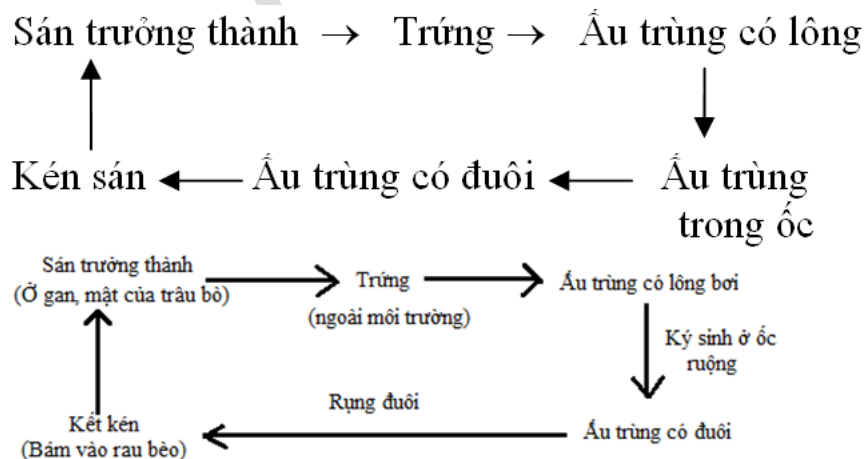
+ Thành cơ thể có lớp biểu bì và lớp cơ dọc phát triển

+ Chưa có khoang cơ thể chính thức

+ Ống tiêu hóa thẳng: từ lỗ miệng → hậu môn

+ Tuyến sinh dục dài và cuộn khúc.

Câu 2: Sơ đồ vòng đời sán lá gan:



-----0.0-----

2. Đề thi HK1 môn Sinh học 7 số 2

TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM

ĐỀ THI HK1

Năm học 2020-2021
Môn: Sinh học - Lớp 7
Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1. Ruột khoang chủ yếu sinh sản bằng cách

- A. Sinh sản vô tính
- B. Sinh sản hữu tính
- C. Tái sinh
- D. Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính

Câu 2. Hình thức dinh dưỡng của trùng biến hình là

- A. Tự dưỡng
- B. Dị dưỡng
- C. Tự dưỡng và dị dưỡng
- D. Kí sinh

Câu 3. Trùng biến hình sinh sản bằng hình thức

- A. Phân đôi
- B. Tiếp hợp
- C. Nảy chồi
- D. Phân đôi và tiếp hợp

Câu 4. Cơ thể ruột khoang có kiểu đối xứng nào?

- A. Đối xứng tỏa tròn.
- B. Đối xứng hai bên.
- C. Đối xứng lưng – bụng.
- D. Đối xứng trước – sau.

Câu 5. Loài ruột khoang nào không di chuyển?

- A. San hô và sứa
- B. Hải quỳ và thủy tức
- C. San hô và hải quỳ

D. Sứa và thủy tức

Câu 6. Điều nào sau đây KHÔNG phải điểm giống nhau của trùng biến hình và trùng giày

- A. Chỉ có 1 nhân
- B. Là động vật đơn bào, thuộc nhóm động vật nguyên sinh.
- C. Cơ thể không có hạt diệp lục
- D. Dị dưỡng.

Câu 7. Hải quỳ và san hô đều sinh sản

- A. Sinh sản vô tính
- B. Sinh sản hữu tính
- C. Sinh sản vô tính và hữu tính
- D. Tái sinh

Câu 8. Đặc điểm nào dưới đây không có ở hải quỳ?

- A. Kiểu ruột hình túi.
- B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.
- C. Sống thành tập đoàn.
- D. Thích nghi với lối sống bám.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: Sán dây có đặc điểm cấu tạo nào đặc trưng do thích nghi với kí sinh trong ruột người?

Câu 2: Nêu tác hại của trùng kiết lị, sốt rét đối với sức khỏe con người?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| A | B | A | A | C | A | A | C |

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1:

- Cơ quan bám tăng cường (4 giác bám, một số có thêm móc bám).
- Dinh dưỡng bằng cách thẩm thấu chất dinh dưỡng qua thành cơ thể (hiệu quả hơn qua ống tiêu hóa nhiều lần).

- Mỗi đốt có một cơ quan sinh sản lưỡng tính → hàng trăm đốt có đến hàng trăm cơ quan sinh sản lưỡng tính.

Câu 2:

- Trùng kiết lị gây các vết loét hình miệng núi lửa ở thành ruột để nuốt hồng cầu ở đó, gây chảy máu. Chúng sinh sản rất nhanh để lan ra khắp thành ruột, làm người bệnh đi ngoài liên tiếp, suy kiệt sức lực rất nhanh và có thể nguy hiểm đến tính mạng nếu không được chữa chạy kịp thời.

- Trùng sốt rét gây bệnh sốt rét cho người:

+ Gây thiếu máu: Do ký sinh trùng vào trong máu nên chúng phá vỡ hàng loạt hồng cầu, dẫn đến thiếu máu, da xanh, môi thâm, mệt mỏi, gầy yếu.

+ Gan to, lách to.

+ Trẻ em bị mắc bệnh sốt rét cơ thể còi cọc chậm lớn, kém thông minh.

+ Phụ nữ có thai mắc sốt rét dễ gây sảy thai, đẻ non hoặc khi sinh nở dễ mắc phải những tai biến.

-----0.0-----

3. Đề thi HK1 môn Sinh học 7 số 3

TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

ĐỀ THI HK1

Năm học 2020-2021

Môn: Sinh học - Lớp 7

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1. Quá trình tiêu hóa ở trùng giày là

- A. Thức ăn – không bào tiêu hóa – ra ngoài mọi nơi
- B. Thức ăn – miệng – hầu – thực quản – dạ dày – hậu môn
- C. Thức ăn – màng sinh chất – chất tế bào – thẩm thấu ra ngoài
- D. Thức ăn – miệng – hầu – không bào tiêu hóa – không bào co bóp – lỗ thoát

Câu 2. Tiêu hóa thức ăn ở trùng giày nhờ

- A. Men tiêu hóa
- B. Dịch tiêu hóa
- C. Chất tế bào

D. Enzim tiêu hóa

Câu 3. Hình thức dinh dưỡng của trùng kiết lị là

A. Kí sinh

B. Tự dưỡng

C. Dị dưỡng

D. Tự dưỡng và dị dưỡng

Câu 4. Trong các biện pháp sau, biện pháp nào giúp chúng ta phòng tránh đc bệnh kiết lị?

A. Mặc màn khi đi ngủ.

B. Diệt bọ gậy.

C. Đậy kín các dụng cụ chứa nước.

D. Ăn uống hợp vệ sinh.

Câu 5. Trùng sốt rét lây nhiễm qua đường

A. Đường hô hấp

B. Đường tiêu hóa

C. Đường máu

D. Cách khác

Câu 6. Phương thức dinh dưỡng thường gặp ở ruột khoang là

A. Quang tự dưỡng.

B. Hoá tự dưỡng.

C. Dị dưỡng.

D. Dị dưỡng và tự dưỡng kết hợp.

Câu 7. Thủy tức hô hấp

A. Bằng phổi

B. Bằng mang

C. Bằng toàn bộ bề mặt cơ thể

D. Bằng cả ba hình thức

Câu 8. Thủy tức tiêu hóa ở

A. Tế bào gai

B. Tế bào sinh sản

C. Túi tiêu hóa

D. Chất nguyên sinh

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: Giải thích vòng đời của giun kim:

Giun gây cho trẻ em phiền toái nào? Do thói quen nào ở trẻ mà giun khép kín được vòng đời.

Câu 2: Hình dạng cấu tạo của trai?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

| | | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| D | D | A | D | C | C | C | C |

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1:

- Gây cho trẻ em ngứa ngáy về đêm.

- Giun kim đẻ trứng ở cửa hậu môn của trẻ vì ở đó thoáng khí. Vì ngứa ngáy trẻ em đưa tay ra gãi và do thói quen mút tay, liền đưa luôn trứng vào miệng tạo cho vòng đời của giun được khép kín.

Câu 2: Sơ đồ vòng đời của giun đũa:

Vỏ trai

- Gồm hai mảnh vỏ, gắn với nhau nhờ bản lề.

- Vỏ trai: 3 lớp

+ Lớp sừng

+ Lớp đá vôi

+ Lớp xà cừ

Cơ thể trai

- Trong 2 mảnh vỏ là cơ thể trai.

- Cấu tạo:

+ Ngoài: áo trai tạo thành khoang áo có ống hút và ống thoát nước

+ Giữa: tám mang

+ Trong: thân trai và chân trai

-----0.0-----

4. Đề thi HK1 môn Sinh học 7 số 4

TRƯỜNG THCS PHÚ HÒA

ĐỀ THI HK1

Năm học 2020-2021

Môn: Sinh học - Lớp 7

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1. Hình thức sinh sản vô tính của thủy tức là gì?

- A. Phân đôi.
- B. Mọc chồi.
- C. Tạo thành bào tử.
- D. Ý A và B đều đúng.

Câu 2. Ở thủy tức đực, tinh trùng được hình thành từ

- A. Tuyến hình cầu.
- B. Tuyến sữa.
- C. Tuyến hình vú.
- D. Tuyến bã.

Câu 3. Sán lá gan được xếp chung với ngành giun dẹp vì

- A. Chúng có lối sống kí sinh
- B. Chúng đều có lá sán
- C. Cơ thể dẹp có đối xứng hai bên
- D. Chúng có lối sống tự do

Câu 4. Mỗi ngày, sán lá gan đẻ bao nhiêu trứng

- A. 1000 trứng
- B. 2000 trứng
- C. 3000 trứng
- D. 4000 trứng

Câu 5. Đặc điểm của sán lá gan thích nghi với sống kí sinh là

- A. Mắt và giác quan phát triển
- B. Hệ tiêu hóa tiêu giảm
- C. Mắt và lông bơi tiêu giảm, các giác bám phát triển
- D. Hệ sinh dục lưỡng tính

Câu 6. Đặc điểm nào dưới đây có ở sán dây?

- A. Sống tự do.

- B. Mắt và lông bơi phát triển.
 C. Cơ thể đơn tính.
 D. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.

Câu 7. Uống thuốc tẩy giun đúng cách là

- A. 1 lần/năm
 B. 2 lần/năm
 C. 3 lần/năm
 D. 4 lần/năm

Câu 8. Trong các biện pháp sau, có bao nhiêu biện pháp được sử dụng để phòng ngừa giun sán cho người?

- A. Ăn thức ăn nấu chín, uống nước đun sôi để nguội.

Sử dụng nước sạch để tắm rửa.

Mắc màn khi đi ngủ.

Không ăn thịt lợn gạo.

Rửa sạch rau trước khi chế biến.

Số ý đúng là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: Cấu tạo và lối sống của các đại diện giáp xác?

Câu 2: Cách dinh dưỡng của trai có ý nghĩa gì đối với môi trường nước?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

| | | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| B | C | C | D | C | D | B | B |

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1:

Mọt ẩm: râu ngắn, các đôi chân đều bò được. Thở bằng mang, ở cạn nhưng cần chỗ ẩm ướt.

Con sụn: sống ở biển, con trưởng thành sống cố định, thường bám vỏ thuyền, tàu, làm giảm tốc độ di chuyển của phương tiện giao thông thủy.

Rận nước: sống ở nước, kích thước khoảng 2mm. Di chuyển nhờ vận động của đôi râu lớn. Mùa hạ chỉ sinh toàn con cái, là thức ăn chủ yếu của cá.

Chân kiếm: A. Loài chân kiếm sống tự do, có kích thước và vai trò như rận nước.

B. Loài chân kiếm kí sinh ở cá, phần phụ tiêu giảm, râu biến thành móc bám.

Cua đồng đực: phần bụng tiêu giảm dẹp mỏng gập vào mặt bụng của mai (là giáp đầu ngực). Cua bò ngang, thích nghi lối sống ở hang hốc.

Cua nhện: sống ở biển, được coi có kích thước lớn nhất trong giáp xác, nặng tới 7kg. Chân dài giống chân nhện. Sải chân dài 1,5m. Thịt ăn ngon.

Câu 2:

Trai dinh dưỡng theo kiểu hút nước để lọc lấy vụn hữu cơ, động vật nguyên sinh, các động vật nhỏ khác, góp phần lọc sạch nước vì cơ thể trai giống như những máy lọc sống. Ở những nơi nước ô nhiễm, người ta ăn trai, sò hay bị ngộ độc vì khi lọc nước, nhiều chất độc còn tồn đọng trong cơ thể trai, sò.

-----0.0-----

5. Đề thi HK1 môn Sinh học 7 số 5

TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU

ĐỀ THI HK1

Năm học 2020-2021

Môn: Sinh học - Lớp 7

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1. Vì sao thủy tức trao đổi khí qua thành cơ thể?

- A. Vì chúng có ruột dạng túi
- B. Vì chúng không có cơ quan hô hấp
- C. Vì chúng không có hậu môn
- D. Vì chưa có hệ thống tuần hoàn

Câu 2. Đặc điểm của hệ thần kinh của thủy tức là?

- A. Hệ thần kinh hình lưới.
- B. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch.
- C. Hệ thần kinh dạng ống.
- D. Hệ thần kinh phân tán, chưa phát triển.

Câu 3. Thủy tức hô hấp

- A. Bằng phổi
- B. Bằng mang
- C. Bằng toàn bộ bề mặt cơ thể
- D. Bằng cả ba hình thức

Câu 4. Ngành giun dẹp, loài nào sống tự do

- A. Sán lông
- B. Sán lá
- C. Sán dây
- D. Không loài nào

Câu 5. Vật chủ trung gian thường thấy của sán lá gan là gì?

- A. Cá.
- B. Ốc
- C. Trai.
- D. Hến.

Câu 6. Đặc điểm chung nổi bật nhất ở các đại diện ngành Giun dẹp là gì?

- A. Ruột phân nhánh.
- B. Cơ thể dẹp.
- C. Có giác bám.
- D. Mắt và lông bơi tiêu giảm.

Câu 7. Trong cơ thể người, giun đũa thường kí sinh ở

- A. Máu
- B. Ruột non
- C. Cơ bắp
- D. Gan

Câu 8. Vì sao khi kí sinh trong ruột non, giun đũa không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa?

- A. Vì giun đũa chui rúc dưới lớp niêm mạc của ruột non nên không bị tác động bởi dịch tiêu hóa.
- B. Vì giun đũa có khả năng kết bào xác khi dịch tiêu hóa tiết ra.
- C. Vì giun đũa có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể.

D. Tất cả các ý trên đều đúng

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: Đặc điểm chung và vai trò của một số đại diện ngành ruột khoang?

Câu 2: Sơ đồ vòng đời của giun đũa?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| B | D | D | A | A | B | C | C |

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1:

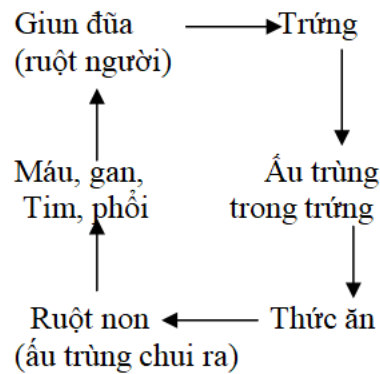
Đặc điểm chung

- Cơ thể đối xứng tỏa tròn
- Ruột dạng túi
- Thành cơ thể có 2 lớp tb, giữa 2 lớp là tầng keo
- Tự vệ, tấn công bằng tế bào gai.

Vai trò

- Trong tự nhiên:
 - + Tạo vẻ đẹp thiên nhiên
 - + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển và đại dương
- Đối với đời sống:
 - + Làm đồ trang trí, trang sức
 - + Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi
 - + Làm thực phẩm có giá trị
 - + Hóa thạch san hô là vật chỉ thị trong nghiên cứu địa chất
- Tác hại:
 - + Một số loài gây ngứa và độc cho con người
 - + Tạo đá ngầm → ảnh hưởng đến giao thông.

Câu 2: Sơ đồ vòng đời của giun đũa:



-----0.0-----

6. Đề thi HK1 môn Sinh học 7 số 6

TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI HK1

Năm học 2020-2021

Môn: Sinh học - Lớp 7

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1. Giun đũa chui được qua ống mật nhờ đặc điểm nào sau đây?

- A. Cơ dọc kém phát triển.
- B. Không có cơ vòng.
- C. Giác bám tiêu giảm.
- D. Đầu nhọn.

Câu 2. Giun đũa gây ảnh hưởng như thế nào với sức khỏe con người?

- A. Hút chất dinh dưỡng ở ruột non, giảm hiệu quả tiêu hoá, là cơ thể suy nhược.
- B. Số lượng lớn sẽ làm tắc ruột, tắc ống dẫn mật, gây nguy hiểm đến tính mạng con người.
- C. Sinh ra độc tố gây hại cho cơ thể người.
- D. Ý A và B đều đúng.

Câu 3. Ý nghĩa sinh học của việc giun đũa cái dài và mập hơn giun đũa đực là

- A. Giúp con cái bảo vệ trứng trong điều kiện sống kí sinh.
- B. Giúp tạo và chứa đựng lượng trứng lớn.
- C. Giúp tăng khả năng ghép đôi vào mùa sinh sản.
- D. Giúp tận dụng được nguồn dinh dưỡng ở vật chủ.

Câu 4. Giun dẹp có bao nhiêu loài

- A. 1 nghìn loài
- B. 2 nghìn loài
- C. 3 nghìn loài
- D. 4 nghìn loài

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây KHÔNG phải là đặc điểm chung của ngành Giun dẹp

- A. Cơ quan sinh dục phát triển, đẻ nhiều
- B. Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên
- C. Có hậu môn
- D. Có giác bám

Câu 6. Giun dẹp chủ yếu sống

- A. Tự do
- B. Kí sinh
- C. Tự do hay kí sinh
- D. Hình thức khác

Câu 7. Sinh sản kiểu nảy chồi ở san hô khác thuỷ tức ở điểm nào?

- A. San hô nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi còn non; thuỷ tức nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi trưởng thành.
- B. San hô nảy chồi, cơ thể con không tách khỏi bố mẹ; thuỷ tức nảy chồi, khi chồi trưởng thành sẽ tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.
- C. San hô nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi trưởng thành; thuỷ tức khi chồi trưởng thành vẫn không tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.
- D. San hô nảy chồi, cơ thể con không tách khỏi bố mẹ; thuỷ tức khi chồi chưa trưởng thành đã tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.

Câu 8. Loài nào sống cộng sinh với tôm ở nhờ giúp di chuyển?

- A. San hô

- B. Hải quỳ
- C. Thủy tức
- D. Sứa

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: So sánh dinh dưỡng của trùng sốt rét và trùng kiết lị?

Câu 2: Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| D | D | B | D | C | B | B | B |

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1:

- Giống: đều ăn hồng cầu.

- Khác: Trùng kiết lị lớn, “nuốt” nhiều hồng cầu cùng một lúc và tiêu hóa chúng, rồi sinh sản nhân đôi liên tiếp. Trùng sốt rét nhỏ hơn, nên chui vào hồng cầu kí sinh (gọi là kí sinh nội bào), ăn hết chất nguyên sinh của hồng cầu rồi sinh sản cho nhiều kí sinh mới cùng một lúc (gọi là kiểu phân nhiều hay liệt sinh) rồi phá vỡ hồng cầu để đi ra ngoài. Sau đó mỗi trùng kí sinh lại chui vào các hồng cầu khác để lặp lại quá trình đó.

Câu 2:

- Sự mọc chồi của san hô và thủy tức hoàn toàn giống nhau. Chúng khác nhau ở chỗ: khi thủy tức trưởng thành, chồi tách ra để sống độc lập, còn san hô thì cứ tiếp tục dính với cơ thể bố mẹ để tạo thành các tập đoàn.

-----0.0-----

7. Đề thi HK1 môn Sinh học 7 số 7

TRƯỜNG THCS LINH TRUNG

ĐỀ THI HK1

Năm học 2020-2021

Môn: Sinh học - Lớp 7

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1. Trong các động vật nguyên sinh sau, động vật nào có cấu tạo đơn giản nhất?

- A. Trùng roi.
- B. Trùng biến hình.
- C. Trùng giày.
- D. Trùng bánh xe.

Câu 2. Hình dạng của trùng giày là

- A. Đối xứng
- B. Không đối xứng
- C. Dẹp như chiếc giày
- D. Có hình khối như chiếc giày

Câu 3. Nhóm động vật nguyên sinh nào dưới đây có chân giả?

- A. Trùng biến hình và trùng roi xanh.
- B. Trùng roi xanh và trùng giày.
- C. Trùng giày và trùng kiết lị.
- D. Trùng biến hình và trùng kiết lị.

Câu 4. So với kích thước của hồng cầu, thì trùng kiết lị có kích thước

- A. Lớn hơn
- B. Nhỏ hơn
- C. Bằng nhau
- D. Không xác định được

Câu 5. Bào xác của trùng kiết lị xâm nhập vào cơ thể người thông qua con đường nào?

- A. Đường tiêu hoá.
- B. Đường hô hấp.
- C. Đường sinh dục.
- D. Đường bài tiết.

Câu 6. Trong điều kiện tự nhiên, bào xác trùng kiết lị có khả năng tồn tại trong bao lâu?

- A. 3 tháng.
- B. 6 tháng.
- C. 9 tháng.
- D. 12 tháng.

Câu 7. Đặc điểm nào của ruột khoang khác với động vật nguyên sinh?

- A. Sống trong nước
- B. Cấu tạo đơn bào
- C. Cấu tạo đa bào
- D. Sống tự do

Câu 8. Loài nào sau đây không thuộc ngành Ruột khoang?

- A. Sứa
- B. Thủy tức
- C. Trùng sốt rét
- D. San hô

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: Trùng biến hình: nơi sống, di chuyển, bắt mồi, tiêu hóa mồi?

Câu 2: Cấu tạo sán lá gan thích nghi đời sống kí sinh?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

| | | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| B | D | D | A | A | B | C | C |

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1:

- Nơi sống: mặt bùn trong các ao tù, hồ nước lợ hay váng trên mặt ao hồ.
- Di chuyển: Nhờ chân giả (do chất nguyên sinh dồn về 1 phía).
- Bắt mồi nhờ hình thành chân giả.

- Tiêu hóa nội bào.

Câu 2:

- Cơ thể hình lá, dẹp, dài 2 - 5 cm, màu đỏ máu, mắt và lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển.

- Cơ dọc, cơ vòng, cơ lưng bụng phát triển → luôn lách trong môi trường kí sinh.

- Cơ quan sinh dục phát triển: lưỡng tính. Cơ quan sinh dục đực, cơ quan sinh dục cái và tuyến noãn hoàng. Phần lớn có cấu tạo dạng ống phân nhánh chằng chịt

- Cơ quan tiêu hóa phát triển.

-----0.0-----

8. Đề thi HK1 Sinh học 7 số 8

TRƯỜNG THCS VÕ NGUYỄN GIÁP

ĐỀ THI HK1

Năm học 2020-2021

Môn: Sinh học - Lớp 7

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1. Phần lớn các loài ruột khoang sống ở

- A. Sông.
- B. Biển.
- C. Ao.
- D. Hồ.

Câu 2. Phương thức dinh dưỡng thường gặp ở ruột khoang là

- A. Quang tự dưỡng.
- B. Hoá tự dưỡng.
- C. Dị dưỡng.
- D. Dị dưỡng và tự dưỡng kết hợp.

Câu 3. Những đại diện thuộc ngành ruột khoang sống ở biển gồm:

- A. Sứa, thủy tức, hải quỳ
- B. Sứa, san hô, mực

C. Hải quỳ, thủy tức, tôm

D. Sứa, san hô, hải quỳ

Câu 4. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau:

...(1)... của sứa dày lên làm cơ thể sứa ...(2)... và khiến cho ...(3)... bị thu hẹp lại, thông với lỗ miệng quay về phía dưới.

A. (1): Khoang tiêu hóa; (2): dễ nổi; (3): tầng keo

B. (1): Khoang tiêu hóa; (2): dễ chìm xuống; (3): tầng keo

C. (1): Tầng keo; (2): dễ nổi; (3): khoang tiêu hóa

D. (1): Tầng keo; (2): dễ chìm xuống; (3): khoang tiêu hóa

Câu 5. Sứa tự vệ nhờ

A. Di chuyển bằng cách co bóp dù

B. Thân sứa có hình bán cầu, trong suốt

C. Xúc tu có nọc để làm tê liệt con mồi

D. Không có khả năng tự vệ.

Câu 6. Môi trường sống của thủy tức là

A. Nước ngọt

B. Nước mặn

C. Nước lợ

D. Trên cạn

Câu 7. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau

Tua miệng thủy tức chứa nhiều ...(1)... có chức năng ...(2)....

A. (1): tế bào gai; (2): tự vệ và bắt mồi

B. (1): tế bào gai; (2): tự vệ và bắt mồi

C. (1): tế bào sinh sản; (2): sinh sản và di chuyển

D. (1): tế bào thần kinh; (2): di chuyển và tự vệ

Câu 8. Thủy tức thải chất bã ra khỏi cơ thể qua

A. Màng tế bào

B. Không bào tiêu hóa

C. Tế bào gai

D. Lỗ miệng

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: So sánh dinh dưỡng của trùng sốt rét và trùng kiết lị?

Câu 2: Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi?

ĐÁP ÁN**I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

| | | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| B | C | D | C | C | A | A | D |

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1:

- Giống: đều ăn hồng cầu.

- Khác: Trùng kiết lị lớn, “nuốt” nhiều hồng cầu cùng một lúc và tiêu hóa chúng, rồi sinh sản nhân đôi liên tiếp. Trùng sốt rét nhỏ hơn, nên chui vào hồng cầu kí sinh (gọi là kí sinh nội bào), ăn hết chất nguyên sinh của hồng cầu rồi sinh sản cho nhiều kí sinh mới cùng một lúc (gọi là kiểu phân nhiều hay liệt sinh) rồi phá vỡ hồng cầu để đẻ ra ngoài. Sau đó mỗi trùng kí sinh lại chui vào các hồng cầu khác để lặp lại quá trình đó.

Câu 2:

- Sự mọc chồi của san hô và thủy tức hoàn toàn giống nhau. Chúng khác nhau ở chỗ: khi thủy tức trưởng thành, chồi tách ra để sống độc lập, còn san hô thì cứ tiếp tục dính với cơ thể bố mẹ để tạo thành các tập đoàn.

-----0.0-----

9. Đề thi HK1 Sinh học 7 số 9

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH

ĐỀ THI HK1

Năm học 2020-2021

Môn: Sinh học - Lớp 7

Thời gian: 45 phút

I. Trắc Nghiệm (5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1: Sán lông và sán lá gan giống nhau ở điểm nào sau đây?

- A. Phương thức di chuyển.
- B. Lối sống.
- C. Hình dạng cơ thể.
- D. Mức độ phát triển thị giác.

Câu 2: Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lông?

- A. Có lông bơi.
- B. Có giác bám.
- C. Mắt tiêu giảm.
- D. Sống kí sinh.

Câu 3: Đặc điểm của giun tròn khác với giun dẹp là

- A. Cơ thể đa bào
- B. Sống kí sinh
- C. Ấu trùng phát triển qua nhiều vật trung gian
- D. Có hậu môn

Câu 4: Giun tròn chủ yếu sống

- A. Tự do
- B. Sống bám
- C. Tự dưỡng như thực vật
- D. Kí sinh

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây không có ở các đại diện của ngành Giun tròn?

- A. Sống trong đất ẩm, nước hoặc kí sinh trong cơ thể các động vật, thực vật và người.
- B. Cơ thể hình trụ, thuôn 2 đầu, bắt đầu có khoang cơ thể chưa chính thức.
- C. Phân biệt đầu - đuôi, lưng - bụng.
- D. Cơ quan tiêu hoá bắt đầu từ miệng và kết thúc ở hậu môn.

Câu 6: Giun kim xâm nhập vào cơ thể người qua con đường

- A. Đường tiêu hóa
- B. Qua da
- C. Đường hô hấp

D. Qua máu

Câu 7: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào không phải là đặc điểm chung của các giun tròn?

- A. Phần lớn sống kí sinh.
- B. Ruột phân nhánh.
- C. Tiết diện ngang cơ thể tròn.
- D. Bắt đầu có khoang cơ thể chính thức.

Câu 8: Trong các đặc điểm sau, đâu là điểm khác nhau giữa sán lá gan và giun đũa?

- A. Sự phát triển của các cơ quan cảm giác.
- B. Tiết diện ngang cơ thể.
- C. Đờn sống.
- D. Con đường lây nhiễm.

Câu 9: Vòng đời của sán lá gan có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.
- B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.
- C. Sán trưởng thành kết bào xác vào mùa đông.
- D. Ấu trùng sán có khả năng hoá sán trưởng thành cao.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng?

- A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
- B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.
- C. Sán lá gan không có giác bám.
- D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1: (3 điểm) Trình bày đặc điểm các cơ quan dinh dưỡng của Cá chép?

Câu 2: (2 điểm)

- a. Trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của nhện ?
- b. Tại sao trong quá trình lớn lên, ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần ?

ĐÁP ÁN

I. Trắc Nghiệm (5 điểm)

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| C | A | D | D | C | A | B | B | A | D |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1: Đặc điểm các cơ quan dinh dưỡng của Cá chép

- Hệ tiêu hoá:

+ Có sự phân hoá thành các bộ phận:

Miệng → hầu → Thực quản → Dạ dày → ruột → hậu môn.

+ Tuyến tiêu hoá: Gan, mật, tuyến ruột.

+ Chức năng: biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng, thải cặn bã.

- Hệ hô hấp :Cá hô hấp bằng mang, lá mang là những nếp da mỏng có nhiều mạch máu để trao đổi khí.

- Hệ Tuần hoàn:

+ Tim 2 ngăn: 1 tâm nhĩ, 1 tâm thất

+ 1 vũng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể đỏ tươi.

- Hệ bài tiết :2 dải thận màu đỏ, nằm sát sống lưng → lọc từ máu các chất độc để thải ra ngoài.

Câu 2: (3 điểm)

a. Trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của nhện.

- Cơ thể nhện gồm 2 phần: Phần đầu-ngực và phần bụng.

+ Phần đầu - ngực: Gồm.

Đôi kìm cú tuyến độc → Bắt mồi và tự vệ.

Đôi chân xúc giác phủ đầy lông → Cảm giác về khứu giác và xúc giác.

4 đôi chân bũ → Di chuyển và chằng lưới.

+ Phần bụng: Gồm:

Phía trước là đôi khe thở → Hô hấp.

Ở giữa là một lỗ sinh dục → Sinh sản.

Phía sau là nùm tuyến tơ → Sinh ra tơ nhện

b. Ấu trùng phải lột xác nhiều lần vỡ: lớp vỏ cứng rắn bao bọc không lớn theo cơ thể được.

-----0.0-----

10. Đề thi HK1 Sinh học 7 số 10

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIẾT XUÂN**ĐỀ THI HK1****Năm học 2020-2021****Môn: Sinh học - Lớp 7****Thời gian: 45 phút****I. Trắc Nghiệm (5 điểm)**

Chọn phương án trả lời đúng.

Câu 1: Phát biểu nào sau đây về cá chép là sai?

- A. Có một vòng tuần hoàn.
- B. Là động vật đẳng nhiệt.
- C. Hô hấp bằng mang.
- D. Máu qua tim là máu đỏ thẫm.

Câu 2: Ở cá chép, tiểu não có vai trò gì?

- A. Giúp cá nhận biết kích thích về dòng nước.
- B. Giúp cá phát hiện môi.
- C. Giúp cá định hướng đường bơi.
- D. Điều hoà, phối hợp các hoạt động khi bơi.

Câu 3: Đặc điểm nào dưới đây thường xuất hiện ở các loài cá sống ở tầng mặt?

- A. Thân dẹt mỏng, khúc đuôi khoẻ.
- B. Thân thon dài, khúc đuôi yếu.
- C. Thân ngắn, khúc đuôi yếu.
- D. Thân thon dài, khúc đuôi khoẻ.

Câu 4: Loài nào dưới đây là đại diện lớp Cá?

- A. Cá đuối bông đỏ.
- B. Cá nhà táng lùn.
- C. Cá sấu sông Nile.
- D. Cá cóc Tam Đảo.

Câu 5: Loại cá nào dưới đây không thuộc lớp Cá sụn?

- A. Cá nhám.
- B. Cá đuối.

C. Cá thu. D. Cá toàn đầu.

Câu 6: Vì sao vào mùa đông chúng ta lại ít nhìn thấy ếch?

- A. Do ếch trú đông
- B. Do ếch di cư đến vùng ấm hơn
- C. Do ếch bị chết nhiều vì nhiệt độ lạnh
- D. Cả ba nguyên nhân trên

Câu 7: Phát biểu nào sau đây về ếch đồng là sai?

- A. Là động vật biến nhiệt.
- B. Thường ẩn mình trong hang vào mùa đông.
- C. Thường bắt gặp được ở những nơi khô cạn.
- D. Thức ăn thường là sâu bọ, cua, cá con, giun, ốc, ...

Câu 8: Loại cá nào dưới đây thường sống trong những hốc bùn đất ở tầng đáy?

- A. Lươn. B. Cá trắm.
- C. Cá chép. D. Cá mập.

Câu 9: Ở tầng mặt thiếu nơi ẩn nấp, cá sẽ có đặc điểm gì để thích nghi?

- A. Thân tương đối ngắn, vây ngực và vây bụng phát triển bình thường, khúc đuôi yếu, bơi chậm
- B. Có thân rất dài, vây ngực và vây bụng tiêu biến, khúc đuôi nhỏ, bơi rất kém
- C. Có mình thon dài, vây chẵn phát triển, khúc đuôi khỏe, bơi nhanh
- D. Có thân dẹp, mỏng, vây ngực lớn hoặc nhỏ, khúc đuôi nhỏ, bơi kém

Câu 10: Phát biểu nào sau đây về ếch đồng là đúng?

- A. Phát triển không qua biến thái.
- B. Sinh sản mạnh vào mùa đông.
- C. Nguồn thức ăn chính là rêu và tảo.
- D. Đẻ trứng và thụ tinh ngoài.

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Nêu đặc điểm chung của lớp sâu bọ?

Câu 2: (3 điểm) Trình bày đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của ngành thân mềm ?

ĐÁP ÁN

I. Trắc Nghiệm (5 điểm)

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| B | D | D | A | C | A | C | A | C | D |

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1: Đặc điểm chung của lớp sâu bọ:

Tuy đa dạng về loài và phân bố ở nhiều môi trường sống khác nhau nhưng có một số đặc điểm chung sau:

- + Cơ thể có 3 phần riêng biệt : đầu, ngực, bụng
- + Đầu có 1 đôi râu, ngực có 3 đôi chân và thường có 2 đôi cánh.
- + Hô hấp bằng ống khí.

Câu 2:

- Đặc điểm chung:

- + Thân mềm, không phân đốt.
- + Có vỏ đá vôi, có khoang áo phát triển.
- + Hệ tiêu hóa phân hóa và cơ quan di chuyển phát triển.

- Vai trò:

- + Làm thực phẩm cho người, nguyên liệu xuất khẩu
- + Làm thức ăn cho động vật khác, làm sạch môi trường nước.
- + Làm đồ trang sức, trang trí.

-----HẾT-----